

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/7/2024  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Huy Đạt; ông Nguyễn Huy Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hào - Thư ký TAND huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên Tòa:** Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2024/TLST- HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 12/6/2024 và Thông báo mở lại phiên Tòa số 137/2024/TB-HNGĐ ngày 09/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Hữu T; sinh năm: 1987. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Xin vắng mặt

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Đ; sinh năm: 1986. Nơi ĐKKHKT: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức C. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Xin vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 23/01/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lương Hữu T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Lương Hữu T và chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 02/10/2009. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Anh Lương Hữu T và chị Nguyễn Thị Đ có một con chung là cháu Lương Hữu T1, sinh ngày 03/03/2010. Khi cháu T1 được 7 tháng tuổi, chị Đ bỏ đi nên anh T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu từ đó cho đến nay. Nếu được ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lương Hữu T trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/4/2024 tại Tòa án nhân dân huyện Can Lộc, với sự chứng kiến của ông Nguyễn Đức C (bố đẻ chị Đ). Qua điện thoại chị Nguyễn Thị Đ trình bày:

Anh T làm đơn xin ly hôn thì chị Đ đồng ý ly hôn nhưng vì đi làm ăn xa nên chị Đ xin vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung, chị Đ đồng ý như anh T đã trình bày, chị không có ý kiến gì.

Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh không có yêu cầu gì.

Ông Nguyễn Đức C trình bày:

Do chị Đ đi làm ăn xa, ông cũng không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án nên các văn bản mà Tòa án gửi cho chị Đ thì gửi theo địa chỉ của ông. Ông có trách nhiệm thông báo cho chị Đ biết. Vì đi lại khó khăn nên ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và đều xin vắng mặt. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa lần thứ nhất và thứ hai không rõ lý do, do đó đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Lương Hữu T. Anh Lương Hữu T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ. Giao cháu Lương Hữu T1, sinh ngày 03/3/2010 cho anh Lương Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Các bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được phép cản trở. Anh Lương Hữu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Anh Lương Hữu T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Nguyễn Thị Đ. Anh T đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Can Lộc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Đ không có mặt tại nơi đăng ký thường trú, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng chị Đ vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải; nguyên đơn anh Lương Hữu T đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Anh Lương Hữu T, ông Nguyễn Đức C đều xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả các đương sự.

**[2]. Về quan hệ hôn nhân:**

Anh Lương Hữu T và chị Nguyễn Thị Đ đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 02/10/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Sau khi kết hôn một thời gian, anh T, chị Đ phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cuộc sống chung đã không tồn tại trong một thời gian dài. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đ cũng đề nghị giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Do đó có căn cứ để khẳng định tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:**

Anh Lương Hữu T và chị Nguyễn Thị Đ có một con chung là cháu Lương Hữu T1, sinh ngày 03/03/2010, từ khi anh T, chị Đ ly thân đến nay, cháu T1 do anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T1 và cháu T1 có nguyện vọng được ở với anh T. Vì vậy, giao con chung Lương Hữu T1, sinh ngày 03/03/2010 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi người trực tiếp nuôi con là phù hợp. Anh T lao động đủ thu nhập để nuôi con chung, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

**[4]. Về tài sản chung, nợ chung:** Anh T, chị Đ không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

**[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Anh Lương Hữu T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271; khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điều 51; khoản 1 điều 56; điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 207; điểm a khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238; điều 271; khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Lương Hữu T**: Cho anh **Lương Hữu T** ly hôn với chị **Nguyễn Thị Đ**.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu **Lương Hữu T1**, sinh ngày 03/03/2010 cho anh **Lương Hữu T** chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi về quyền nuôi con. Chị **Nguyễn Thị Đ** có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh **Lương Hữu T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0011087 ngày 21/03/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Anh **Lương Hữu T** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh **Lương Hữu T**, chị **Nguyễn Thị Đ**, ông **Nguyễn Đức C** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Anh Tú**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán**  
**Chủ tọa phiên Tòa**

**Võ Quốc Linh**

**Nguyễn Thị Thơ**

**Phan Anh Tú**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Can Lộc;
- CQĐT CA huyện Can Lộc;
- CQTHAHS CA huyện Can Lộc;
- Chi cục THADS huyện Can Lộc;
- UBND xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có QLVNVLQ;
- Lưu: HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Anh Tú**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán**  
**Chủ tọa phiên Tòa**

**Nguyễn Trí Vy**

**Dương Văn Nhạ**

**Phan Anh Tú**